NEVASTANE XMF 2

Ngành thực phẩm

Mỡ đa năng chịu cực áp, thích hợp cho sự tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm

Ứng Dụng

- **NEVASTANE XMF** là mỡ phức nhôm với dầu gốc trắng có đặc tính chống cực áp và chống gỉ xuất sắc với dãi nhiệt độ hoạt động rộng.
- **Dãi sản phẩm NAVASTANE XMF** có khả năng chống rửa trôi bởi nước và hoạt động ở tốc độ cao.
- **NAVASTANE XMF** được khuyến nghị bôi trơn trong quá trình sản xuất thực phẩm và nước uống hoạt động dưới điều kiện khắc nghiệt như bánh răng chịu tải và các vòng bi, máy khâu đột, máy nạp liệu, băng chuyền, máy trộn
- **NAVASTANE XMF** có dãi nhiệt độ hoạt động rộng từ -20^{0}C đến 150^{0}C

Đặc Điểm Kỹ Thuật

- Công thức của **NEVASTANE XMF** tuân thủ tiêu chuẩn FDA chương 21 CFR, 178.3570.
- **NEVASTANE XMF** đã được đăng ký tiêu chuẩn **NSF – H1**:
  NEVASTANE XMF 00: Số 146185 NEVASTANE XMF 0: Số 146186
  NEVASTANE XMF 1: Số 146187 NEVASTANE XMF 2: Số 146888
- Dầu **NEVASTANE XMF** được chứng nhận chất lượng bởi **Kosher,Halal** và **ISO 21469**.
- ISO 6743-9: NEVASTANE XMF 00: L-XBDF A00 DIN 51502: K00N-20
  NEVASTANE XMF 0 : L-XBDF A0 DIN 51502: K0N-20
  NEVASTANE XMF 1 : L-XBDF A1 DIN 51502: KP1N-20
  NEVASTANE XMF 2 : L-XBDF A2 DIN 51502: KP2N-20

Ưu Điểm

- **NEVASTANE XMF** được khuyến nghị sử dụng ở những nơi mà sự tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm có thể xảy ra. Việc sử dụng dầu bôi trơn trong bảo trì đã được đăng ký tiêu chuẩn **NSF – H1** sẽ giúp giảm thiểu được các điểm kiểm soát quan trọng theo yêu cầu bởi HACCP.
- Bảo vệ chống ăn mòn xuất sắc
- Khả năng chống nước và hơi nước tốt, đặc tính bám dính trên bền mặt kim loại vượt trội
- Khả năng chống cực áp của **NEVASTANE XMF 1 và 2** rất tốt

Các Đặc Tính Tiêu Biểu	Phương Pháp	Đơn Vị	NEVASTANE			
			XMF 00	XMF 0	XMF 1	XMF 2
Chất làm đặc	-	-	Phức nhôm			
Màu	Băng mắt	-	Trong mờ		Nâu sáng	
Bề ngoài	Băng mắt	-	Mịn,đồng đều và dính			
Cấp độ NLGI	ASTM D 217	Cấp độ	00	0	1	2
Dãi nhiệt độ hoạt động	-	^{0}C	Từ -20^{0}C đến 150^{0}C			
Độ xuyên kim ở 25^{o}C	ASTM D 217	0.1mm	400-430	355-385	310-340	265-295
Điểm nhỏ giọt	IP 396/ NF T 60102C	^{0}C	>180	>200	>225	>245
Tải 4 bi- thử mài mòn	ASTM D 2596	mm	0.6	0.6	<0.6	<0.6
Tải 4 bi-thử tải hàn dính	ASTM D 2596	kgf	-	-	315	315
Loại dầu gốc	-	-	Dầu gốc trắng (với polymer)			
Độ nhớt dầu gốc ở 40 ^{o}C	ISO 3104	mm^2/s	120			

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình dùng làm thông tin tham khảo

Mỡ này khi được sử dụng theo khuyến nghị và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam hoặc tại website www.quick-fds.com.